

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày: 13/6/2024
“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;

2. Ông Phạm Tuấn Anh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 370/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Trí C, sinh năm 1983 và bà Võ Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20/7/2023, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà H) trình bày:

Giữa bà H và vợ chồng ông C, bà L có mối quan hệ quen biết. Vào ngày 07/8/2021 ông C có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 10/12/2022,

ông C vay tiếp của bà H số tiền 90.000.000 đồng. Tổng số tiền ông C đã vay của bà H là 110.000.000 đồng. Việc vay số tiền 110.000.000 đồng đều có chữ ký tên, ghi họ tên của ông C trong giấy mượn tiền.

Ngày 19/4/2022, vợ chồng ông C, bà L vay của bà H số tiền 55.000.000 đồng, việc vay mượn hai bên có lập giấy mượn tiền và có chữ ký tên, ghi họ tên xác nhận của ông C, bà L.

Toàn bộ số tiền vay bà H đã giao đủ cho ông C, bà L và phía ông C, bà L có hứa khi nào bà H cần tiền thì thông báo cho ông C, bà L biết nhưng đến khi bà H cần lấy lại tiền thì ông C, bà L không đồng ý trả tiền cho bà H mà hẹn lần này đến lần khác. Do đó, bà H khởi kiện buộc ông C thanh toán số tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 07/7/2023 của số tiền 20.000.000 đồng là 23.818.000 đồng và tiền gốc, tiền lãi tạm tính đến ngày 10/7/2023 của số tiền 90.000.000 đồng là 95.229.000 đồng, tổng là 119.047.000 đồng theo hai giấy mượn tiền ngày 07/8/2021, ngày 10/12/2022. Đồng thời buộc ông C, bà L liên đới thanh toán số tiền gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 19/7/2023 là 61.847.500 đồng theo giấy mượn tiền lập ngày 19/4/2022. Bà H yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi cho đến thời điểm xét xử.

Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2024, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (ông C) trình bày:*

Ông C và bà L là vợ chồng. Do quan hệ quen biết với bà H nên ông C có vay tiền của bà H nhiều lần, nhưng không nhớ rõ thời gian cụ thể. Riêng số tiền vay cùng bà L thì vào năm 2022. Nay bà H khởi kiện yêu cầu ông C thanh toán số tiền nợ là 119.047.000 đồng và yêu cầu ông C liên đới với bà L thanh toán số tiền là 61.847.500 đồng thì ông C không đồng ý. Do số tiền ông C vay cùng bà L đã thanh toán xong. Ông C chỉ còn nợ bà H số tiền là 36.000.000 đồng. Tuy nhiên các lần thanh toán tiền thì ông C không có làm giấy tờ gì và không có chứng cứ gì chứng minh.

Ngoài ra ông C không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2023, quá trình tham gia tố tụng bị đơn (bà L) trình bày:*

Do quen biết nên bà L và ông C có vay của bà H số tiền là 55.000.000 đồng vào ngày 19/4/2022, nhưng sau đó bà L và ông C đã thanh toán cho bà H. Thời gian thanh toán khi nào thì bà L không nhớ. Nay bà H yêu cầu bà L và ông C liên đới thanh toán số tiền gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi thì bà L không đồng ý.

Ngoài ra bà L không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu về tiền gốc phải thanh toán và một phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà **Trần Thị H** khởi kiện ông **Nguyễn Trí C** yêu cầu thanh toán số tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi; yêu cầu ông **Nguyễn Trí C** và bà **Võ Thị L** liên đới thanh toán số tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông **C**, bà **L** có nơi cư trú tại **ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương** nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông **C**, bà **L** được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông **C**, bà **L**.

[2] Nội dung vụ án: Ngày 07/8/2021, bà **H** cho ông **C** vay 20.000.000 đồng. Ngày 10/12/2022, bà **H** cho ông **C** vay 90.000.000 đồng. Tổng hai lần vay là 110.000.000 đồng. Ngày 19/4/2022, bà **H** có cho vợ chồng ông **C**, bà **L** vay 55.000.000 đồng. Sau khi vay tiền thì ông **C**, bà **L** không thanh toán tiền lần nào. Bà **H** nhiều lần yêu cầu ông **C**, bà **L** thanh toán nhưng không được. Do đó, bà **H** khởi kiện yêu cầu ông **C** thanh toán số tiền gốc là 110.000.000 đồng và tiền lãi đến khi xét xử. Đồng thời bà **H** yêu cầu ông **C**, bà **L** liên đới thanh toán số tiền gốc là 55.000.000 đồng và tiền lãi đến thời điểm thời xét xử.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà **H** thì ông **C** không đồng ý. Ông **C** chỉ đồng ý thanh toán số tiền là 36.000.000 đồng. Bà **L** không đồng ý thanh toán tiền cho bà **H**.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ bà **H** cung cấp là giấy mượn tiền ngày 19/4/2022, ngày 07/8/2021 và ngày 10/12/2022 là bản chính. Theo giấy mượn tiền ngày 07/8/2021 thể hiện ông **C** vay của bà **H** số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Theo giấy mượn tiền ngày 10/12/2022 thể hiện ông **C** vay của bà **H** số tiền là 90.000.000 đồng,

hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Theo giấy mượn tiền ngày 19/4/2022 thể hiện ông C và bà L vay của bà H số tiền là 55.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Như vậy các hợp đồng này đều là hợp đồng vay tài sản không thời hạn và không lãi suất.

Bà L và ông C thừa nhận giấy mượn tiền ngày 19/4/2022 do chính ông bà ký tên và vay số tiền này nhưng đã thanh toán xong. Tuy nhiên, ông C, bà L không cung cấp cho Tòa án chứng cứ nào thể hiện việc ông C, bà L đã thanh toán tiền. Do đó, bà H yêu cầu ông C, bà L liên đới thanh toán số tiền 55.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với khoản vay ngày 07/8/2021 và ngày 10/12/2022, ông C cho rằng ông vay tiền của bà H nhiều lần, tuy nhiên ông không nhớ cụ thể thời gian nào, hiện tại ông chỉ còn nợ bà H số tiền là 36.000.000 đồng. Tuy nhiên ông C cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc này. Do đó, bà H yêu cầu ông C thanh toán số tiền gốc 110.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trường hợp này các bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán nên lãi suất được tính là 10%/năm kể từ ngày bà H làm đơn khởi kiện (ngày 20/7/2023). Như vậy, tổng số tiền lãi ông C, bà L phải thanh toán cho bà H được tính như sau:

- Đối với số tiền 110.000.000 đồng ông C nhận ngày 07/8/2021 và ngày 10/12/2022 lãi suất là: $110.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} \times 23 \text{ ngày} = 9.866.340 \text{ đồng}$.

- Đối với số tiền 55.000.000 đồng ông C, bà L nhận ngày 19/4/2022 lãi suất là: $55.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\%/\text{tháng} \times 10 \text{ tháng} \times 23 \text{ ngày} = 4.933.170 \text{ đồng}$.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông C, bà L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Chi phí giám định là 5.883.000 đồng bà H đã nộp. Ông C có trách nhiệm thanh toán cho bà H.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà **Trần Thị H** đối với ông **Nguyễn Trí C** và bà **Võ Thị L**.

Buộc ông **Nguyễn Trí C** và bà **Võ Thị L** có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà **Trần Thị H** số tiền 59.933.170 đồng (năm mươi chín triệu chín trăm ba mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng) gồm tiền gốc 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi 4.933.170 đồng (bốn triệu chín trăm ba mươi ba nghìn một trăm bảy mươi đồng).

Buộc ông **Nguyễn Trí C** có trách nhiệm thanh toán cho bà **Trần Thị H** số tiền 119.866.340 đồng (một trăm mười chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi đồng) gồm tiền gốc 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi 9.866.340 đồng (chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm bốn mươi đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà **H** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **C**, bà **L** không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông **C**, bà **L** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Chi phí giám định: Ông **Nguyễn Trí C** có trách nhiệm thanh toán cho bà **Trần Thị H** số tiền là 5.883.000 đồng (năm triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Nguyễn Trí C** phải chịu 5.993.317 đồng (năm triệu chín trăm chín mươi ba nghìn ba trăm mười bảy đồng).

- Ông **Nguyễn Trí C** và bà **Võ Thị L** liên đới chịu 2.996.658 đồng (hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

- Hoàn lại cho bà **Trần Thị H** 4.522.363 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi ba đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0009218 ngày 20/7/2023 và Biên lai thu số AA/2021/0009217 ngày 20/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Đinh Quang Minh

Trương Hữu Bình

Đặng Thị Thùy Linh